

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2025

V/v "Tranh chấp

Ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân*

**Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

2. Ông Nguyễn Tiến Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ánh- Thư ký Tòa án nhân khu vực 2- Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1987 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

** Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1974 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang(nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn ngày 27/10/2005, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai (nay là UBND phường Tự Lạn). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn). Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường. Từ năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không

có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, anh L làm ăn tiền không chăm lo cho con cái cùng chị, hai vợ chồng có cãi vã và đánh nhau thường xuyên. Gia đình hai bên đều biết và can thiệp hòa giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Từ năm 2021 vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm gì chăm sóc gì đến nhau, vợ chồng từ khi ly thân đều không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 24/10/2006; Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 06/5/2009; Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 06/4/2014. Hiện 03 con chung đang ở với chị, do chị nuôi dưỡng từ nhỏ đến giờ. Cháu Huyền hiện đã trưởng thành ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị nhận nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh, cháu Phúc, chị không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hiện chị đang làm tự do, mở văn phòng bắt động sản ở thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn), có thu nhập trung bình một tháng khoảng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), thời gian làm việc không cố định vì để chị có thời gian chăm sóc con, có chỗ ăn ở, đảm bảo điều kiện về thời gian, kinh tế, nơi ăn ở cho các con chung học hành, phát triển bình thường.

- Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị B có mặt trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

** Đối với anh Nguyễn Văn L là bị đơn trong vụ án tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai tiếp theo và tại phiên tòa có trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn ngày 04/10/2005 âm lịch, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai (nay là UBND phường Tự Lạn). Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ở với bố mẹ anh tại thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Tự Lạn). Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trước năm 2024 anh có ký một số giấy tờ ủy quyền và một số giấy tờ mua bán đất. Từ năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ anh có vấn đề về tình cảm với người khác nhưng anh không có căn cứ là với ai, vợ chồng anh không ngủ chung với nhau, vợ chồng có thỉnh thoảng cãi vã nhau. Từ tháng 01/2025 vợ chồng anh ly thân nhau, không ai còn quan tâm gì đến nhau, vợ chồng từ khi ly thân đều không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn vợ chồng bố mẹ anh có biết khuyên giải nhưng vợ chồng không cải thiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị B có đơn xin ly hôn thì quan điểm anh đồng ý theo các văn bản mà anh đã trình bày gửi Tòa án là phải chia tài sản xong thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 24/10/2006; Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 06/5/2009 và Nguyễn

Xuân Phúc, sinh ngày 06/4/2014; 03 con chung trước đây ở với cả bố và mẹ, từ tháng 01/2025 là ở với chị B. Cháu Huyền hiện đã trưởng thành ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn anh đồng ý theo nguyện vọng của các con cháu Anh, cháu Phúc, các con chung ở với ai quyền của các con, anh đồng ý. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị B. Hiện anh đang làm công ty cổ phần Bắc Nam ở Hà Nội, có thu nhập trung bình một tháng khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng), thời gian làm việc không cố định tùy theo lãnh đạo phân công, tức là không có giờ giấc cụ thể, lúc thì làm ngày, lúc thì làm tối.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo đơn yêu cầu chia tài sản của anh thì anh mới đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L có mặt trình bày: Anh đồng ý ly hôn chị B với điều kiện phải chia tài sản chung theo đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh đã nộp, về con chung anh đồng ý theo nguyện vọng của các con, về tài sản anh yêu cầu chia nhưng anh không có tiền nộp án phí theo yêu cầu của Tòa án vì đất chị B đã thế chấp tại ngân hàng, Tòa án đã giải thích về khởi kiện của chị B và yêu cầu chia tài sản của anh, anh không có ý kiến gì nữa.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị B, anh L chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B, cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 06/5/2009 và Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 06/4/2014. Vấn đề cấp dưỡng: Chị B, anh L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị B đã nộp đủ số tiền trên tại biên lai thu của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Chi cục thi hành án khu vực 2- Bắc Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị B và anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có nơi cư trú: Thôn Xuân Lạn, xã Hương Mai, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Xuân Lạn, phường Việt Yên, tỉnh Bắc Ninh) nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị B. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị B và anh L xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai (nay là UBND phường Tự Lạn) làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, chị B và anh L có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, có cãi vã nhau. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị B và anh L đều xác nhận vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau và không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình hai bên có biết khuyên giải nhưng vợ chồng không cải thiện, anh L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống không ở cùng với chị B, chị B và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị B, anh L có xảy ra mâu thuẫn và tại phiên tòa có mặt bố mẹ anh L cũng trình bày xác định vợ chồng anh L, chị B có mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị B và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị B, anh L đều xác định vợ chồng có 03 con chung là có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 24/10/2006; Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 06/5/2009 và Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 06/4/2014. Hiện cháu Huyền đã trưởng thành chị B, anh L không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị B nhận nuôi 02 con chung là cháu Anh, cháu Phúc, anh L đồng ý theo nguyện vọng các con cháu Anh, cháu Phúc. Tại bản tự khai và tại phiên tòa cháu Anh, cháu Phúc có mặt đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị B có thu nhập đảm bảo điều kiện nuôi con. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy các con chung đang ở với chị B, chị B có thu nhập, chị xác định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, anh L đồng ý theo nguyện vọng con chung nên cần giao cho chị B nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Anh, cháu Phúc là phù hợp với Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu Anh, cháu Phúc. Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không

ai được cản trở.

* Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị B, anh L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị B xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Anh L yêu cầu chia tài sản chung theo đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh đã nộp tại Tòa án, khi nhận được đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh L, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu sửa đổi bổ sung số 02/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2025, sau đó anh L không bổ sung theo yêu cầu của Tòa án và có đơn xin gia hạn và đáng lẽ sau đó Tòa án ra Thông báo trả lại đơn cho anh L nhưng Tòa án đã xem xét đơn cho anh L và ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 337/TB-TA ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với anh L, hết thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự anh L không nộp biên lai nộp tạm ứng án phí cho Tòa án, ngày 03 tháng 6 năm 2025 Tòa án đã ra Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 62/TB-TA. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này nguyên đơn chị B khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, bị đơn anh L yêu cầu chia tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí sơ thẩm. Do vậy, Tòa án không có căn cứ thụ lý và xem xét đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu của anh L trong vụ án này. Anh L nếu có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì có quyền khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh ngày 06/5/2009 và Nguyễn Xuân Phúc, sinh ngày 06/4/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị B, anh L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh L thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001663 ngày 05/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Chi cục thi hành án dân sự khu vực 2- Bắc Ninh). Xác nhận chị Nguyễn Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Chi cục THADS khu vực 2- Bắc Ninh;
- UBND xã Hương Mai
(nay là phường Tự Lạn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2- Bắc Ninh;
- Chi cục THADS khu vực 2- Bắc Ninh;
- UBND xã Hương Mai
(nay là phường Tự Lạn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

